

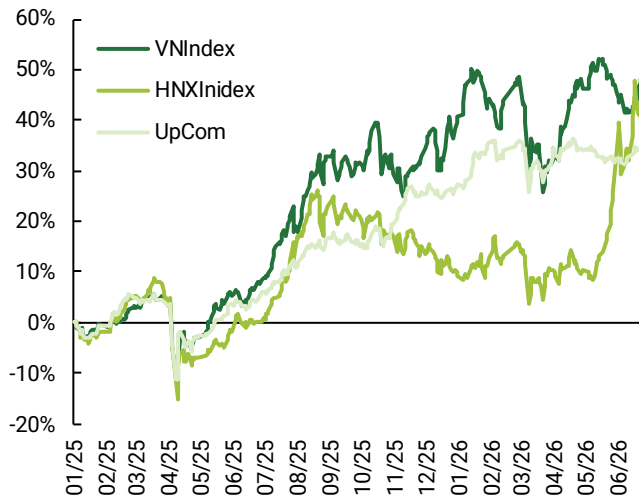
VN-Index **1863.07 (-0.80%)**
552 Tr. cổ phiếu 16194.0 Tỷ VND (-11.29%)

HNX-Index **319.44 (0.38%)**
45 Tr. cổ phiếu 615.6 Tỷ VND (-36.69%)

UPCOM-Index **128.7 (1.04%)**
29 Tr. cổ phiếu 417.2 Tỷ VND (-21.88%)

VN30F1M **2006.40 (-0.13%)**
128,373 HD OI: 29,739 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1863.1, giảm -14.9 điểm (-0.80%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc đỏ ghi nhận ở VN30 trong khi HNXIndex tăng điểm.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Áp lực bán tiếp tục chiếm ưu thế trong giao dịch. Nhóm trụ lớn hạ nhiệt cũng góp phần gây thêm sức ép. Dù vậy, dòng tiền vẫn luân chuyển tìm kiếm cơ hội và tạo ra sự phân hóa mạnh.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Ngân hàng: TCB (+2.8%), OCB (+2.8%) | Thực phẩm và đồ uống: ANV (+3.5%), VHC (+4.6%) | Xây dựng và Vật liệu: CTD (+1.8%), BMP (+2.0%) | Du lịch và Giải trí: VJC (+2.2%), HVN (+3.1%).
Diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: VIC (-2.4%), NVL (-2.3%), VRE (-2.3%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GMD (-2.7%), GEE (-2.0%), GEX (-1.8%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: GAS (-2.3%) | Dịch vụ tài chính: VDS (-2.1%), CTS (-1.7%).
Tác động chỉ số: Chiều tăng | TCB, VJC, HVN, TCX, STB - Chiều giảm | VIC, VHM, BSR, VPL, GAS
Khối ngoại Bán ròng gần 1000 tỷ, tập trung nhiều ở VHM, CTG, FPT, trong khi mua ròng LPB, POW, BMP.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** hạ nhiệt, chịu áp lực điều chỉnh từ các trụ cột. Thanh khoản chưa phục hồi hàm ý tâm lý thị trường còn thận trọng. Dòng tiền từ đó phân hóa mạnh hơn và tìm kiếm cơ hội ở các cổ phiếu riêng lẻ, hơn là lan tỏa ở góc độ ngành. Về mặt kỹ thuật, sau khi bút phá thất bại vùng cản 1880 - 1890 điểm, VN-Index nhiều khả năng sẽ hạ nhiệt về khu vực 1850 điểm để tích lũy thêm động lượng. Giao dịch có thể trở lại giằng co quanh đây. Bên cạnh diễn biến chỉ số, độ rộng thị trường là yếu tố cần được theo dõi sát. Nếu sự lan tỏa của dòng tiền không cải thiện, đà tăng hiện tại sẽ phụ thuộc chủ yếu vào số ít mã trụ và sẽ kém bền vững nếu các cổ phiếu này mất đà.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số tiếp tục dao động mạnh trên vùng cao. Vận động đang chịu ảnh hưởng bởi biến động ở mã THD và KSF, rủi ro rung lắc hiện hữu nếu cổ phiếu này mất đà.
- **Chiến lược:** Cần lưu ý số lượng cổ phiếu quay lại kiểm định vùng đáy ngắn hạn đang gia tăng. Nếu các vùng hỗ trợ này bị phá vỡ đi kèm thanh khoản lớn, nhịp hồi vừa qua nhiều khả năng chỉ mang tính kỹ thuật. Trong bối cảnh đó, trạng thái vận động ở từng mã cũng phân hóa mạnh, theo đó, nhà đầu tư nên theo dõi sát diễn biến dòng tiền và cấu trúc giá của từng cổ phiếu để quản trị rủi ro phù hợp. Hạn chế mua bình quân khi tín hiệu kiểm định chưa rõ ràng.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Cắt lỗ DRI (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,863.1 ▼	-0.8%	1.8%	-1.2%	16,194.0 ▼	-11.3%	-7.3%	-14.7%	551.8 ▼	-19.0%	-13.1%	-21.5%
HNX-Index	319.4 →	0.4%	-5.0%	17.5%	615.6 ▼	-36.7%	-28.3%	-37.4%	44.9 ▼	-22.0%	6.1%	-15.3%
UPCOM-Index	128.7 ▲	1.04%	0.4%	2.1%	417.2 ▼	-21.9%	-34.7%	-11.6%	28.9 ▲	3.0%	-20.8%	-6.0%
VN30	2,004.6 ▼	-0.3%	1.9%	-0.8%	11,020.8 ▲	1.7%	13.9%	-1.3%	230.8 ▼	-16.2%	-10.5%	-19.5%
VNMID	2,108.3 ▼	-0.53%	-2.6%	-3.5%	4,004.7 ▼	-34.4%	-40.1%	-40.5%	199.6 ▼	-30.9%	-37.1%	-42.3%
VNSML	1,342.7 →	0.11%	-1.1%	-1.7%	578.8 ▼	-27.3%	11.1%	-14.1%	42.4 ▼	-21.4%	9.2%	-20.5%
Theo ngành (VNINDEX)												
Ngân hàng	651.3 →	0.2%	1.43%	0.6%	4,986.1 ▼	-0.2%	-28.6%	-19.7%	193.0 ▼	-2.9%	-22.4%	-26.5%
Bất động sản	1,012.5 ▼	-2.1%	6.4%	2.9%	4,093.6 ▲	22.6%	-1.2%	0.3%	65.8 ▼	-34.1%	-30.1%	-36.3%
Dịch vụ tài chính	314.3 →	0.1%	-0.3%	0.5%	1,681.3 ▼	-43.0%	-26.4%	-31.2%	82.1 ▼	-41.5%	-23.3%	-29.2%
Công nghiệp	259.2 ▼	-1.4%	-3.3%	-8.7%	559.1 ▼	-36.2%	-32.6%	-42.0%	16.2 ▼	-32.7%	-36.2%	-43.2%
Tài nguyên cơ bản	514.5 ▼	-0.4%	-1.4%	-2.3%	288.9 ▼	-36.0%	-40.9%	-49.9%	15.5 ▼	-33.5%	-36.3%	-46.3%
Xây dựng - Vật Liệu	168.9 ▼	-0.2%	-1.1%	-1.3%	419.6 ▼	-33.0%	-36.7%	-41.0%	19.9 ▼	-39.1%	-41.0%	-47.8%
Thực phẩm	481.1 →	0.3%	-7.0%	-27.0%	754.9 ▼	-36.0%	-27.4%	-29.6%	18.2 ▼	-37.0%	-26.7%	-30.2%
Bán Lẻ	1,428.3 ▼	-0.7%	-1.3%	-0.4%	371.3 ▼	-55.3%	-29.9%	-41.0%	5.2 ▼	-50.3%	-27.3%	-40.2%
Công nghệ	388.7 →	0.3%	-0.8%	-1.9%	562.1 ▼	-6.9%	-17.8%	-33.6%	8.5 ▼	-7.3%	-21.1%	-36.4%
Hóa chất	172.7 ▼	-1.7%	-4.7%	-4.4%	300.7 ▼	-2.4%	-15.5%	-16.3%	10.3 ▼	-5.9%	-13.7%	-12.7%
Tiện ích	743.2 ▼	-0.9%	-2.2%	-1.5%	440.9 ▲	24.6%	10.9%	30.5%	25.2 ▲	67.8%	23.6%	66.4%
Dầu khí	101.1 ▼	-2.9%	-5.0%	-8.8%	351.4 ▼	-35.4%	-25.41%	-24.5%	12.8 ▼	-34.8%	-22.1%	-15.7%
Dược phẩm	405.4 →	0.16%	-0.4%	-2.0%	31.1 ▼	-18.0%	-13.0%	-48.7%	1.3 ▲	2.2%	-1.3%	-51.7%
Bảo hiểm	101.0 ▼	-0.7%	-3.7%	-5.5%	24.7 ▼	-22.1%	-16.3%	-31.7%	0.5 ▼	-18.1%	-11.3%	-42.6%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,863.1 ▼	-0.80%	4.4%	15.3x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,559 ▬	0.67%	23.7%	16.3x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	5,999 ▲	1.96%	-30.6%	13.6x	1.6x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,380 ▼	-0.76%	0.6%	15.4x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,071 ▲	1.33%	0.3%	9.2x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,120 ▬	0.23%	3.8%	20.4x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	23,077 ▼	-1.43%	-10.0%	12.1x	1.2x
Nikkei 225	Nhật Bản	72,366 ▲	4.61%	43.8%	25.4x	3.2x
S&P 500	Mỹ	7,358 ▼	-0.10%	7.5%	27.1x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	51,849 ▬	0.35%	7.9%	24.9x	6.0x
FTSE 100	Anh	10,497 ▬	0.34%	5.7%	17.0x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,262 ▬	0.76%	8.1%	17.8x	2.5x
<hr/>						
DXY		101.6 ▬	0.19%	3.3%		
USDVND		26,321 ▼	-0.042%	0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

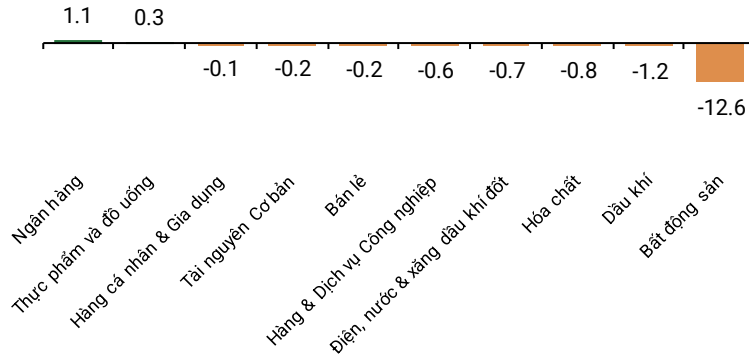
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-1.38%	-24.4%	19.5%	7.4%
Dầu WTI	▼	-1.15%	-28.0%	21.1%	7.1%
Khí gas	▲	1.9%	12.9%	-11.0%	-3.7%
Than cốc (*)	▬	0.0%	16.2%	24.3%	57.0%
Thép HRC (*)	▼	-0.1%	-3.5%	2.1%	4.6%
PVC (*)	▼	-0.2%	-7.6%	-2.1%	-8.2%
Phân Urea (*)	▬	0.6%	-39.2%	9.2%	11.0%
Cao su thiên nhiên	▼	-5.6%	-5.7%	17.0%	31.9%
Bông Cotton	▬	0.0%	-6.9%	12.2%	8.5%
Đường	▬	0.1%	-8.6%	-10.5%	-16.0%
World Container Index	▲	5.0%	53.6%	88.2%	27.0%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-3.4%	-1.5%	63.2%	101.9%
<hr/>					
Vàng	▼	-0.39%	-12.8%	-7.8%	19.6%
Bạc	▼	-0.18%	-26.6%	-20.0%	58.1%

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



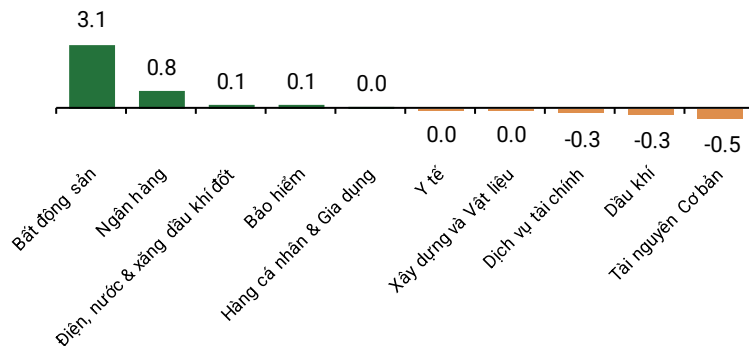
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

+0.22 (SAB)	-0.31 (BID)
+0.25 (VPB)	-0.34 (VRE)
+0.26 (POW)	-0.35 (VCB)
+0.28 (VPX)	-0.47 (GVR)
+0.32 (LPB)	-0.66 (CTG)
+0.40 (STB)	-0.92 (GAS)
+0.41 (TCX)	-0.99 (VPL)
+0.46 (HVN)	-1.01 (BSR)
+0.49 (VJC)	-2.70 (VHM)
+1.35 (TCB)	-8.99 (VIC)

TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX

+7 (SAB)	-36 (GMD)
+7 (VPB)	-37 (VNM)
+8 (MSB)	-44 (KDC)
+9 (CTD)	-45 (MBB)
+9 (TCB)	-67 (STB)
+10 (OCB)	-95 (VIC)
+12 (VRE)	-114 (BSR)
+23 (BMP)	-137 (FPT)
+39 (POW)	-160 (CTG)
+43 (LPB)	-181 (VHM)

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

+0.03 (SJ1)	-0.03 (OCH)
+0.04 (SEB)	-0.03 (HKT)
+0.04 (PTI)	-0.03 (CTB)
+0.06 (NFC)	-0.03 (PVC)
+0.07 (BAB)	-0.04 (CEO)
+0.07 (IDC)	-0.06 (SHS)
+0.11 (PVI)	-0.19 (MBS)
+0.13 (DTK)	-0.26 (PVS)
+0.75 (NVB)	-0.59 (KSV)
+4.47 (KSF)	-1.47 (THD)

TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

+0.0 (API)	-0.0 (HAT)
+0.0 (SGC)	-0.0 (PVB)
+0.2 (BAB)	-0.1 (HUT)
+0.4 (VC3)	-0.1 (MST)
+0.5 (SHS)	-0.1 (MBS)
+0.7 (NTH)	-0.1 (PLC)
+0.7 (NVB)	-0.3 (TNG)
+0.9 (IDC)	-1.3 (NRC)
+1.2 (C69)	-12.9 (PVS)
+3.4 (KSF)	-17.4 (CEO)

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



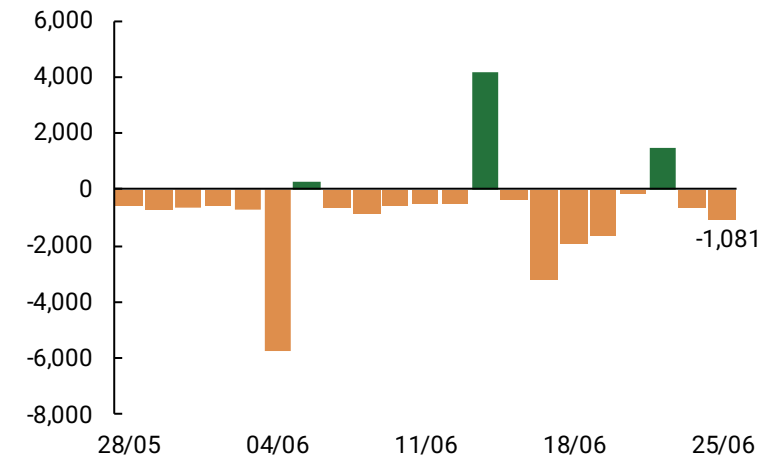
	VHM	TCB	VIC	SHB	FPT
%DoD	-1.9%	2.8%	-2.4%	0.0%	0.3%
Giá trị	720	695	690	499	471

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VIC	VJC	LPB	VIX	MSB
%DoD	-2.4%	2.2%	0.9%	-1.5%	1.3%
Giá trị	1,794	873	468	178	170

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



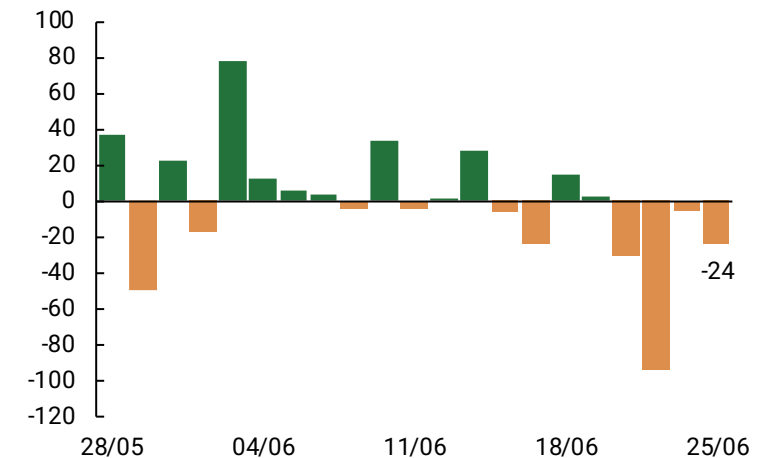
	SHS	CEO	VC3	MBS	KSF
%DoD	-0.5%	-0.7%	-0.8%	-1.5%	9.9%
Giá trị	81	56	47	45	44

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	SHN	TPP	CAR	LDP	SHS
%DoD	8.1%	0.0%	0.0%	-1.2%	-0.5%
Giá trị	38	20	2	1	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến đỏ, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1750 | 1820.
- ✓ Kháng cự: 1880 | 1920.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong giai đoạn điều chỉnh.

Kịch bản: VN-Index tiếp tục chứng lại khi tiếp cận kháng cự 1880 – 1890 điểm. Vận động khả năng cần hạ nhiệt về quanh khu vực 1850 điểm để tích lũy thêm, trước khi quay lại thử thách vùng cản. Điểm sáng là các chỉ báo kỹ thuật vẫn giữ đà cải thiện, cho thấy tín hiệu kiểm định nghiêng về rung lắc hơn là điều chỉnh mạnh. Hỗ trợ gần được nâng lên quanh ngưỡng 1820 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến đỏ, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1900 | 1960.
- ✓ Kháng cự: 2020 | 2070.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong giai đoạn điều chỉnh.

Kịch bản: VN30 trở lại vận động trên ngưỡng tâm lý 2000 điểm. Dù vậy, thanh khoản sụt giảm cho thấy lực cầu chưa xác nhận động lực. Vận động khả năng rung lắc, kiểm định thêm quanh mốc tâm lý này. Kháng cự cao hơn trong chiều bứt phá quanh ngưỡng 2050 điểm, trong khi hỗ trợ gần được nâng lên quanh mức 1960 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	DRI	CUT LOSS	Current price	13.80	P/E (x)	5.6	
Exchange	UPCoM		Action price	14.2 - 14.5	P/B (x)	1.3	
Sector	Commodity Chemicals		Selling price (26/6)	13.7 - 13.9	-4.0%	EPS	2457.2
					ROE	25.9%	
					Stock Rating	A	
					Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá phá vỡ dưới ngưỡng MA50 ngày.
 - MACD cắt xuống đường tín hiệu, cùng với RSI giảm về dưới ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng suy yếu.
 - Thanh khoản tăng cho thấy cung bán chủ động.
- ➔ Xu hướng tăng vi phạm và khả năng tiếp tục điều chỉnh.
 ➔ Khuyến nghị Cắt lỗ, có thể tận dụng nhịp hồi trong phiên

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	DRI	Cắt lỗ	25/06/2026	13.8	13.7 - 13.9	-4.0%	15.8	10.1%	13.6	-5.2%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MBB	Mua	05/05/2026	-	24.7	25.9 - 26.1	-5.0%	29	11.5%	24.4	-6.2%	
2	VCB	Mua	28/05/2026	-	60.8	63 - 63.5	-3.9%	70	10.7%	60	-5.1%	
3	VLB	Mua	11/06/2026	-	48.7	47.2 - 48	2.2%	52	9.2%	45.5	-4.4%	
4	DHC	Mua	11/06/2026	-	33.5	32.2 - 32.5	3.6%	35.5	9.7%	30.5	-5.7%	
5	SHS	Mua	15/06/2026	-	18.2	18.7 - 18.9	-3.2%	20.8	10.6%	17.8	-5.3%	
6	TPB	Mua	17/06/2026	-	16.0	16.1 - 16.4	-1.5%	18	10.8%	15.5	-4.6%	
7	POW	Mua	19/06/2026	-	14.5	13.8 - 13.9	4.7%	15.4	11.2%	13.2	-4.7%	
8	NAB	Mua	22/06/2026	-	13.2	12.2 - 12.4	6.9%	13.6	10.6%	11.6	-5.7%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2006.4, giảm 2.6 điểm (-0.1%). Giá đi ngang lưỡng lự trong phần lớn thời gian giao dịch.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, các chỉ báo kỹ thuật vẫn giữ vận động trung tính. Giá cũng cho thấy trạng thái đi ngang kiểm định quanh vùng 2000 – 2005 điểm. Điểm vào lệnh nên chờ tín hiệu xác nhận phá vỡ rõ ràng. Theo đó, vị thế Long có thể cân nhắc khi giá bứt phá và củng cố trên ngưỡng 2010. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1995.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1933.8, giảm 4.3 điểm (-0.2%). Độ lệch basis 1.1 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 11 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1925 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1950 điểm.

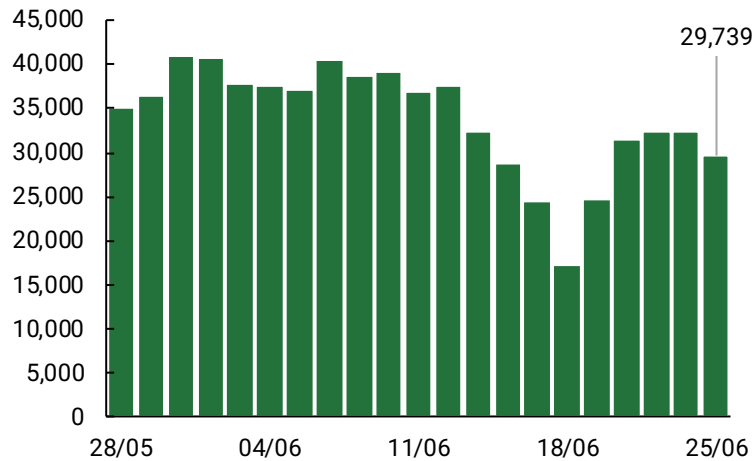
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 2005	2020	1996	15 : 9
Short	< 1994	1982	2002	12 : 8

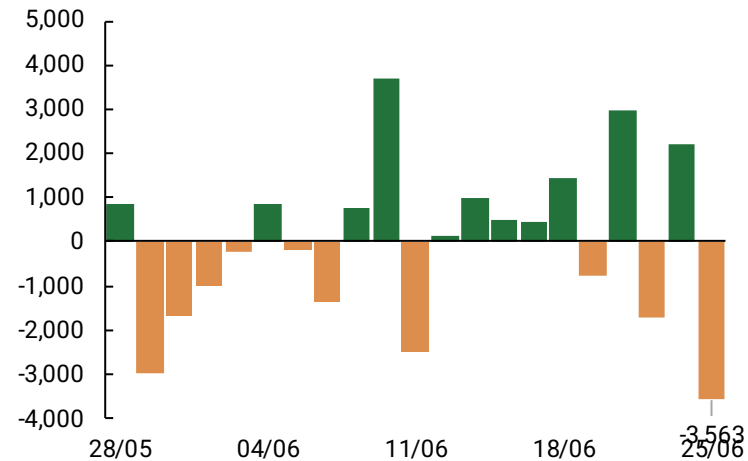
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111GC000	2,003.7	-0.3	96	705	2,019.2	-15.5	17/12/2026	175
4111G9000	2,006.5	-0.3	27	594	2,011.6	-5.1	17/09/2026	84
4111G8000	2,006.2	-2.4	104	381	2,009.3	-3.1	20/08/2026	56
4111G7000	2,006.4	-2.6	128,373	29,739	2,006.4	0.0	16/07/2026	21
4112G7000	1,933.8	-4.3	11	30	1,934.4	-0.6	16/07/2026	21

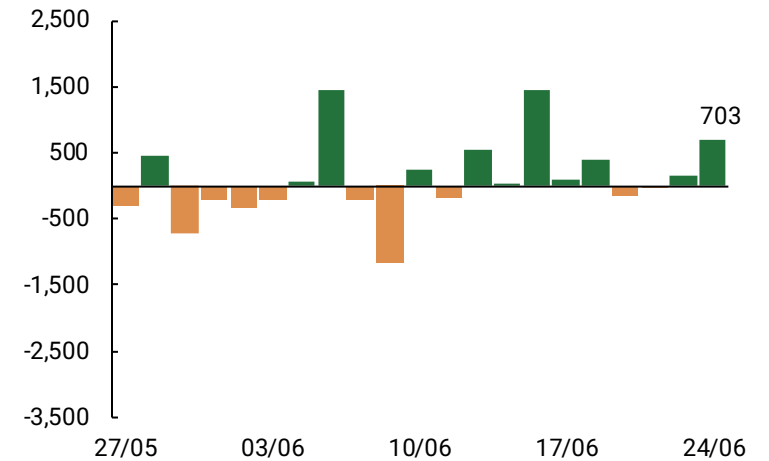
Khối lượng mở (Open interest)



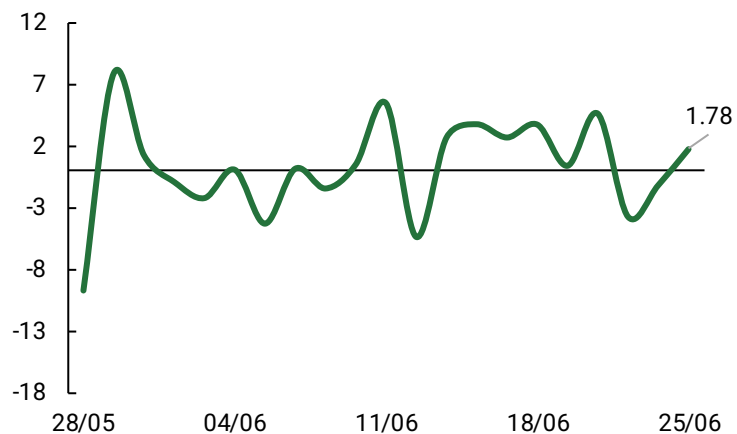
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



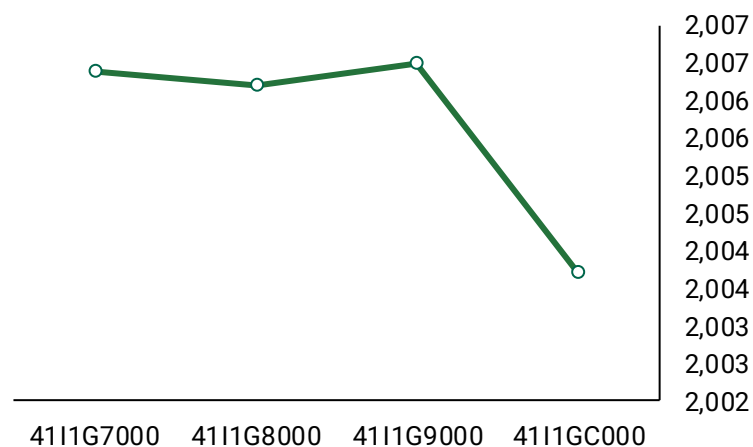
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



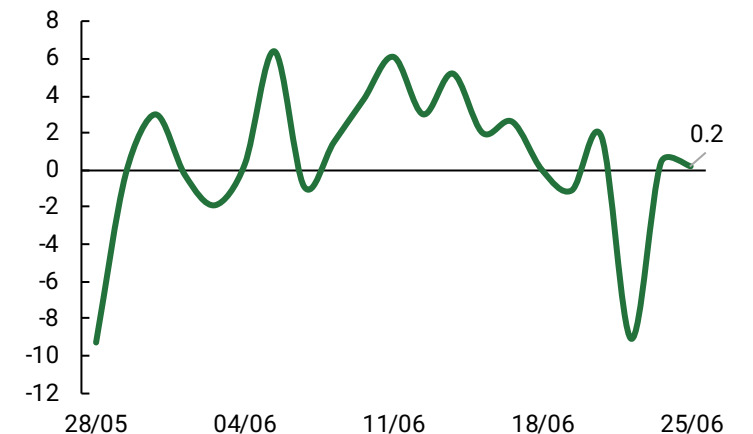
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



THÔNG TIN VĨ MÔ

- 01/06 Việt Nam, Mỹ - Chỉ số PMI
- 03/06 Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 5 và 5 tháng đầu năm
- 05/06 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 10/06 Mỹ - Chỉ số CPI
Trung Quốc - Chỉ số CPI, PPI
- 11/06 Mỹ - Chỉ số PPI
- 13/06 Việt Nam - VNM ETF công bố danh mục
- 16/06 Trung Quốc - Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất
- 17/06 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- 18/06 Việt Nam - Đáo hạn hợp đồng phái sinh
Mỹ - FED công bố lãi suất
Anh - BoE công bố lãi suất
- 24/06 Việt Nam - MSCI công bố kết quả xếp hạng thị trường
- 25/06 Mỹ - Chỉ số PCE, dữ liệu GDP sau cùng

Lạm phát Việt Nam được dự báo vượt 5% trong quý II: Standard Chartered dự báo lạm phát quý II/2026 của Việt Nam có thể vượt 5%, tăng mạnh so với mức 3.5% trong quý I, do giá vận tải, thực phẩm, nhà ở và vật liệu xây dựng đồng loạt đi lên. Dù giá xăng dầu đã giảm sâu, giá nhiều loại cát, đá và xi măng vẫn neo cao, khiến áp lực chi phí đối với doanh nghiệp và người tiêu dùng chưa được giải tỏa. Ngân hàng này dự báo NHNN tiếp tục giữ nguyên lãi suất điều hành trong nửa cuối năm.

Đề xuất tăng lương tối thiểu vùng năm 2027 gần 10%: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đề xuất tăng lương tối thiểu vùng từ 8.5–9.8% kể từ đầu năm 2027, tương ứng mức tăng 315,000–520,000 đồng/tháng tùy địa bàn. Nếu áp dụng phương án cao nhất, lương tối thiểu vùng I sẽ tăng từ 5.31 triệu đồng lên 5.83 triệu đồng/tháng. Đề xuất có thể hỗ trợ thu nhập và sức mua của người lao động, nhưng cũng làm gia tăng chi phí nhân công đối với doanh nghiệp.

Hormuz đóng cửa khiến 1,200 tàu và 125 tỷ USD hàng hóa mắc kẹt: Việc eo biển Hormuz bị gián đoạn đã khiến hơn 1.200 tàu chở hàng cùng lượng hàng hóa trị giá ước tính 125 tỷ USD mắc kẹt. Diễn biến cho thấy thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu vẫn phụ thuộc lớn vào một số tuyến hàng hải chiến lược. Nếu tình trạng kéo dài, chi phí vận tải, bảo hiểm và giá hàng hóa có thể tiếp tục chịu áp lực tăng.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

PVD - Phát hành hơn 371 triệu cổ phiếu thưởng, tỷ lệ 66.9%: PV Drilling chốt ngày 15/7 để phát hành hơn 371.8 triệu cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu, tương ứng cổ đông sở hữu 1,000 cổ phiếu được nhận thêm 669 cổ phiếu. Sau đợt phát hành, vốn điều lệ dự kiến tăng từ khoảng 5,559 tỷ đồng lên hơn 9,278 tỷ đồng. Năm 2025, PVD ghi nhận doanh thu gần 10,900 tỷ đồng và LNST 1,050 tỷ đồng, tăng lần lượt khoảng 17% và gần 50% YoY.

BCM - Lên kế hoạch đầu tư hơn 127,000 tỷ đồng giai đoạn 2026–2030: Becamex dự kiến triển khai danh mục dự án chiến lược với tổng mức đầu tư khoảng 127,297 tỷ đồng, tập trung vào khu công nghiệp, hạ tầng giao thông, công nghệ số, năng lượng tái tạo và nhà ở xã hội. Doanh nghiệp định hướng phát triển hơn 3,000 ha khu công nghiệp thế hệ mới, đồng thời tham gia các dự án như cao tốc TP.HCM – Thủ Dầu Một – Chơn Thành, Quốc lộ 13 và Vành đai 4 TP.HCM.

NCT - Dự kiến nâng cổ tức tiền mặt năm 2026 lên 100%: Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài dự kiến trả cổ tức tiền mặt tỷ lệ 80% cho năm 2025 và nâng lên 100% trong năm 2026. Công ty đặt mục tiêu doanh thu năm nay đạt 1,315 tỷ đồng và LNST 427.5 tỷ đồng, tăng lần lượt 4.1% và 10% YoY. NCT cũng đang nghiên cứu cơ hội tham gia các dự án liên quan đến Cảng hàng không quốc tế Gia Bình.

KSV - Trả cổ tức năm 2025 tổng tỷ lệ 90.5%: Vimico chốt quyền trả cổ tức gồm 40.5% bằng tiền mặt và 50% bằng cổ phiếu, tương ứng tổng tỷ lệ 90.5%. Doanh nghiệp dự kiến chi khoảng 810 tỷ đồng tiền mặt và phát hành thêm 100 triệu cổ phiếu. Quý 1/2026, KSV ghi nhận doanh thu 5,233 tỷ đồng, tăng 71%, trong khi LNST đạt 897 tỷ đồng, gấp gần 2.9 lần cùng kỳ.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	52,600	73,400	39.5%	Mua
CTG	33,500	45,200	34.9%	Mua
CTD	71,600	82,900	15.8%	Tăng tỷ trọng
DBD	51,700	68,000	31.5%	Mua
DDV	23,883	35,900	50.3%	Mua
DGW	39,750	47,500	19.5%	Tăng tỷ trọng
DPG	38,250	42,300	10.6%	Tăng tỷ trọng
DPR	38,350	46,500	21.3%	Mua
DRI	13,763	17,200	25.0%	Mua
EVF	13,200	14,400	9.1%	Nắm giữ
FRT	127,800	157,600	23.3%	Mua
GMD	73,000	92,700	27.0%	Mua
HAH	52,500	60,300	14.9%	Tăng tỷ trọng
HDG	20,950	30,900	47.5%	Mua
HHV	11,100	12,300	10.8%	Tăng tỷ trọng
HPG	23,400	30,700	31.2%	Mua
IMP	42,900	55,000	28.2%	Mua
KDH	21,750	38,800	78.4%	Mua
MCH	128,000	177,200	38.4%	Mua
MWG	77,200	115,600	49.7%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	24,700	34,000	37.7%	Mua
NLG	25,450	39,400	54.8%	Mua
NT2	22,850	27,700	21.2%	Mua
PHR	62,000	72,800	17.4%	Tăng tỷ trọng
PNJ	64,100	75,500	17.8%	Tăng tỷ trọng
PVS	38,000	39,900	5.0%	Nắm giữ
PVT	19,800	18,900	-4.5%	Giảm tỷ trọng
POW	14,500	15,000	3.4%	Nắm giữ
SAB	48,600	57,900	19.1%	Tăng tỷ trọng
SSI	26,500	32,100	21.1%	Mua
TLG	49,500	50,900	2.8%	Nắm giữ
TCB	33,400	41,700	24.9%	Mua
TCM	20,150	35,300	75.2%	Mua
TRC	75,200	94,800	26.1%	Mua
VCB	60,800	84,200	38.5%	Mua
VPB	26,700	36,500	36.7%	Mua
VCG	19,600	26,200	33.7%	Mua
VHC	61,100	60,000	-1.8%	Giảm tỷ trọng
VNM	58,300	66,650	14.3%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801